

Số: 745 /QĐ-CĐSPTW-ĐTKH

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 10 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công nhận và cấp bằng tốt nghiệp năm 2025 - Đợt 2
Trình độ Cao đẳng – Hình thức đào tạo chính quy theo hệ thống tín chỉ

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG CAO ĐẲNG SƯ PHẠM TRUNG ƯƠNG THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Quyết định số 2064/QĐ-BGDĐT ngày 25/4/2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc đổi tên Trường Cao đẳng Sư phạm Mẫu giáo Trung ương 3 thành Trường Cao đẳng Sư phạm Trung ương TP. Hồ Chí Minh;

Căn cứ Thông tư số 23/2022/TT-BGDĐT ngày 30/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ Trường Cao đẳng Sư phạm;

Căn cứ Thông tư số 24/2019/TT-BGDĐT ngày 26/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy chế đào tạo trình độ Trung cấp, Cao đẳng nhóm ngành đào tạo giáo viên;

Căn cứ Quyết định số 756/QĐ-CĐSPTW-ĐT ngày 11/9/2017 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Sư phạm Trung ương Thành phố Hồ Chí Minh về việc ban hành Quy định đào tạo cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ tại Trường Cao đẳng Sư phạm Trung ương Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 483/QĐ-CĐSPTW-ĐT ngày 01/10/2020 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Sư phạm Trung ương Thành phố Hồ Chí Minh về việc ban hành Quy định đào tạo cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ tại Trường Cao đẳng Sư phạm Trung ương Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 209/QĐ-CĐSPTW-ĐT ngày 14 tháng 4 năm 2023 về việc sửa đổi, bổ sung Quyết định số 483/QĐ-CĐSPTW-ĐT ngày 01/10/2020 của Hiệu trưởng về việc ban hành Quy định về đào tạo trình độ cao đẳng, hệ chính quy, ngành Giáo dục Mầm non theo hệ thống tín chỉ tại Trường Cao đẳng Sư phạm Trung ương Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ biên bản ngày 24/09/2025 của Hội đồng xét công nhận và cấp bằng tốt nghiệp năm 2025 – Đợt 2 trình độ cao đẳng – Hình thức đào tạo chính quy;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Đào tạo, Khoa học và Hợp tác Quốc tế.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận và cấp bằng tốt nghiệp năm 2025 - Đợt 2 cho 57 sinh viên trình độ cao đẳng – Hình thức đào tạo chính quy theo hệ thống tín chỉ cụ thể như sau:

1. Ngành Giáo dục mầm non: 51
2. Các khóa trước (tất cả các ngành): 6

(Danh sách sinh viên được công nhận và cấp bằng tốt nghiệp kèm theo)



Điều 2. Các Ông (Bà) Trưởng phòng Đào tạo, Khoa học và Hợp tác Quốc tế, Trưởng phòng Công tác Chính trị - Học sinh sinh viên, Trưởng các Khoa và các sinh viên có tên ở Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Phòng KT, TT & ĐBCL;
- Lưu VT, ĐTKH.

 **HIỆU TRƯỞNG**
ThS. Nguyễn Nguyên Bình



DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP NĂM 2025 - ĐỢT 2
TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG - HÌNH THỨC ĐÀO TẠO CHÍNH QUY
NGÀNH GIÁO DỤC MẦM NON - KHÓA ĐÀO TẠO: 35 & CÁC KHÓA TRƯỚC

(Kèm theo Quyết định số 745 /QĐ- CĐSPTW - ĐTKH, ngày 01 tháng 10 năm 2025 của

Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Sư phạm Trung ương Thành phố Hồ Chí Minh)

STT	Lớp	Mã SV	Họ và	tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giáo dục thể chất 1	Giáo dục thể chất 2	Giáo dục thể chất 3	Giáo dục Quốc phòng - AN	Môn thi tốt nghiệp: Lý luận chính trị	Điểm xét XLTN	Xếp loại tốt nghiệp	Ghi chú
1	30G	501170157	Nguyễn Thị Hoài	Linh	16/01/1999	Lâm Đồng	B+	A	C+	C+		2.61	Khá	
2	K33M01	501200819	Trần Lê Thanh	Vy	22/09/1999	TP. Hồ Chí Minh	B+	B+	C+	B	D+	2.47	Trung Bình	
3	K33M05	501200409	Lương Thị Tuyết	Nhi	20/02/2002	An Giang	B	A	C	B+	C	2.35	Trung Bình	
4	K33M06	501200794	Lê Nguyễn Tường	Vy	26/08/2002	TP. Hồ Chí Minh	B+	B+	B+	B+	C	2.56	Khá	
5	K34M14	501210247	Trần Thị Tuyết	Hồng	23/05/2003	TP. Hồ Chí Minh	B	A	B	B	C	2.81	Khá	
6	K34M14	501210404	Trần Hoàn	Mỹ	04/08/2003	TP. Hồ Chí Minh	B+	A	C+	B+	D+	2.84	Khá	
7	K35M01	501220313	Nguyễn Thị Hồng	Ngọc	21/04/2003	TP. Hồ Chí Minh	A	B+	B	B+	C	2.72	Khá	
8	K35M02	501220122	Nguyễn Võ Thúy	Hằng	19/08/2004	Đồng Tháp	B	B	B	B+	C	2.42	Trung bình	
9	K35M02	501220218	Tiền Huệ	Linh	05/11/2004	TP. Hồ Chí Minh	A	B+	B	B+	D+	2.44	Trung bình	
10	K35M02	501220290	Tất Thị Kim	Ngân	13/04/2004	TP. Hồ Chí Minh	C+	B	C+	B+	D+	2.57	Khá	
11	K35M02	501220302	Nguyễn Ngọc Kim	Ngân	05/09/2004	Đồng Nai	B	B+	C+	B	B	3.06	Khá	
12	K35M02	501220326	Nguyễn Bích	Ngọc	17/12/2004	TP. Hồ Chí Minh	C+	B	C+	B+	C	2.64	Khá	
13	K35M02	501220350	Ngô Nguyễn Yến	Nhi	11/08/2004	Lâm Đồng	B+	B	C+	B+	A	2.75	Khá	
14	K35M02	501220362	Huỳnh Thị Thảo	Nhi	21/02/2001	Vĩnh Long	C+	B	C+	B+	C+	2.81	Khá	
15	K35M03	501220099	Bùi Vương Thủy	Hà	04/07/2004	Vĩnh Long	C+	A	B	B	D+	2.23	Trung bình	
16	K35M03	501220315	Nguyễn Tĩnh	Ngọc	22/09/2004	Đồng Tháp	B	A	C	B	B	2.38	Trung bình	

STT	Lớp	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giáo dục thể chất 1	Giáo dục thể chất 2	Giáo dục thể chất 3	Giáo dục Quốc phòng - AN	Môn thi tốt nghiệp: Lý luận chính trị	Điểm xét XLTN	Xếp loại tốt nghiệp	Ghi chú	
17	K35M03	501220387	Dương Thị Quỳnh	Như	26/10/2004	TP. Hồ Chí Minh	C+	A	B	B+	C	2.4	Trung bình	
18	K35M04	501220196	Trần Thị	Len	10/09/2001	Gia Lai	B+	B+	D+	B+	C	2.63	Khá	
19	K35M05	501220004	Trần Thị Mỹ	An	18/02/2004	TP. Hồ Chí Minh	B	B	C+	B+	B	2.22	Trung bình	
20	K35M05	501220053	Lê Thị Thuý	Chung	13/04/2004	TP. Hồ Chí Minh	B	B	B+	B+	D+	2.67	Khá	
21	K35M05	501220064	Phan Thị Ngọc	Diễm	28/06/2004	TP. Hồ Chí Minh	B	B	B+	B+	C	2.25	Trung bình	
22	K35M05	501220353	Nguyễn Trần Quỳnh	Nhi	25/05/2001	Gia Lai	B+	A	A	B+	C+	2.44	Trung bình	
23	K35M05	501220365	Lý Khả	Nhi	07/03/2002	Tây Ninh	C+	A	C+	A	B	2.58	Khá	
24	K35M05	501220389	Đinh Thị Quỳnh	Như	19/08/2004	Đồng Tháp	A	A	B	B+	D+	2.3	Trung bình	
25	K35M05	501220449	Trần Thị Diễm	Quỳnh	04/11/2004	Đồng Nai	A	A	C	B+	C	2.69	Khá	
26	K35M05	501220617	Ngô Ngọc Nguyên	Trang	12/08/2004	TP. Hồ Chí Minh	B+	A	B+	B+	C	2.84	Khá	
27	K35M05	501220689	Đặng Lê Phương	Vy	25/05/2004	TP. Hồ Chí Minh	B	A	C+	B+	C	2.55	Khá	
28	K35M06	501220102	Nguyễn Thị Thu	Hà	11/04/2004	Hưng Yên	B	A	B	B+	D+	2.47	Trung bình	
29	K35M06	501220258	Nguyễn Huỳnh Hồng	Minh	16/03/2004	TP. Hồ Chí Minh	C+	B+	B+	B+	D+	2.35	Trung bình	
30	K35M06	501220318	Lê Hà Thanh	Ngọc	28/01/2004	Vĩnh Long	A	A	B+	B+	B	2.69	Khá	
31	K35M06	501220342	Phan Thanh	Nhàn	11/10/2002	Vĩnh Long	C+	A	C+	B+	B	2.93	Khá	
32	K35M06	501220402	Nguyễn Phương Hồng	Nhật	30/09/2004	TP. Hồ Chí Minh	D+	A	C	B+	C	2.33	Trung bình	
33	K35M06	501220488	Tạ Thị Thu	Thảo	26/08/2004	Quảng Ngãi	C+	A	C	B+	C	2.52	Khá	
34	K35M07	501220271	Nguyễn Ái	My	05/06/2004	Gia Lai	C+	A	C	B+	B	2.78	Khá	
35	K35M07	501220287	Phan Hoàng Tuyết	Ngân	10/11/2003	TP. Hồ Chí Minh	A	A	C	B+	C+	2.77	Khá	
36	K35M07	501220642	Nguyễn Lâm Thanh	Trúc	24/07/2004	TP. Hồ Chí Minh	B+	A	C	B	C	2.63	Khá	
37	K35M08	501220620	Trần Ngọc Thuý	Trang	16/08/2004	TP. Hồ Chí Minh	B	A	C	B+	C	2.46	Trung bình	
38	K35M09	501220019	Nguyễn Thủy Phương	Anh	26/06/2004	TP. Hồ Chí Minh	B	A	C	B+	C	2.78	Khá	
39	K35M09	501220285	Trần Thị Trúc	Ngân	20/10/2002	Lâm Đồng	B	A	C+	B+	C	2.47	Trung bình	
40	K35M09	501220321	Trương Thị Bích	Ngọc	17/12/2004	TP. Hồ Chí Minh	B	A	C	B+	C+	2.71	Khá	
41	K35M09	501220453	Mai Phạm Phương	Quỳnh	17/03/2004	TP. Hồ Chí Minh	C	A	C+	B+	B	3.22	Giỏi	

STT	Lớp	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giáo dục thể chất 1	Giáo dục thể chất 2	Giáo dục thể chất 3	Giáo dục Quốc phòng - AN	Môn thi tốt nghiệp: Lý luận chính trị	Điểm xét XLTN	Xếp loại tốt nghiệp	Ghi chú	
42	K35M09	501220480	Tiền Thị Thu	Thành	19/09/2004	Lâm Đồng	B	A	C	B+	C+	2.5	Khá	
43	K35M09	501220705	Trương Cẩm Vy		29/04/2004	Lâm Đồng	B+	A	B	B+	C+	2.5	Khá	
44	K35M09	501220717	Nguyễn Thị Hoàng Yến		30/01/2004	TP. Hồ Chí Minh	C	B+	C+	B+	C	2.48	Trung bình	
45	K35M10	501210456	Trương Thị Trúc Ngân		20/07/2003	Đồng Tháp	B+	A	B	B	B	2.74	Khá	
46	K35M10	501220082	Võ Thị Mỹ Duyên		23/09/2004	Gia Lai	B+	A	C	A	D+	2.38	Trung bình	
47	K35M10	501220094	Đặng Ngọc Giao		30/09/2004	TP. Hồ Chí Minh	B+	A	B	B+	B	2.54	Khá	
48	K35M10	501220262	Bùi Thị Kim My		17/01/2004	Lâm Đồng	B	A	B+	B+	D+	2.41	Trung bình	
49	K35M10	501220298	Nguyễn Ngọc Kim Ngân		29/05/2004	TP. Hồ Chí Minh	B	A	C	B+	C+	2.6	Khá	
50	K35M10	501220478	Nguyễn Ngọc Lan Thanh		19/11/2004	Vĩnh Long	C	B+	C+	B+	D+	2.33	Trung bình	
51	K35M11	501220119	Nguyễn Quỳnh Thị Việt Hân		25/05/2004	Gia Lai	B	A	B	B+	D+	2.62	Khá	
52	K35M11	501220145	Mai Thị Thanh Hiền		05/10/2003	TP. Hồ Chí Minh	C+	A	D+	B+	B	2.48	Trung bình	
53	K35M11	501220323	Lê Thị Bích Ngọc		10/05/2004	Quảng Ngãi	B	A	B	B+	B	2.76	Khá	
54	K35M11	501220359	Nguyễn Hồ Thảo Nhi		22/09/2004	TP. Hồ Chí Minh	B	A	C+	B+	C+	2.57	Khá	
55	K35M12	501220177	Phạm Trương Ngọc Huyền		05/08/2004	TP. Hồ Chí Minh	C+	A	D+	B+	C	2.88	Khá	
56	K35M12	501220276	Trương Thị Thanh Nga		09/04/2003	Lâm Đồng	B+	A	B+	B+	C+	2.48	Trung bình	
57	K35M12	501220708	Nguyễn Ngọc Tường Vy		11/01/2004	TP. Hồ Chí Minh	B	A	A	B+	B	2.37	Trung bình	

Thông kê xếp loại

TT	Xếp loại	Số lượng	Tỉ lệ
1	Giỏi	1	1.75%
2	Khá	33	57.89%
3	Trung bình	23	40.35%
Tổng cộng		57	100%



THS. Nguyễn Nguyên Bình